TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2021/HS-ST
Ngày: 27/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thuận Hóa và ông A Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thương;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kon Tum, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/HSST - QĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Lý Văn N, sinh ngày 21/3/1997 tại: Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang. Nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp ổn định; dân tộc: Giao; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý Văn T và bà Chương Thị G. Bị cáo hiện đang bị tạm giam - Có mặt.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 01/2016/HSST ngày 20/01/2016 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 138 BLHS. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt năm 2016. Tuy nhiên, theo bản án này tại thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa thành niên (17 tuổi 09 tháng 24 ngày). Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 1 điều 107 Bộ luật hình sự không tính tiền án đối với bị cáo.

Ngày 14/12/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Nguyễn Thị Thúy H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kon Tum - Có mặt.

**** Bị hại***:

- Anh Cao Xuân T, địa chỉ: Trường Bán trú Tiểu học xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Y N, địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Kon Tum - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Trường Mầm non xã V, huyện T, tỉnh Kon Tum - Đại diện hợp pháp Chị Trần Thị Hồng Thắm - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Trường PTDTBTTH-THCS xã V, huyện T, tỉnh Kon Tum; đại diện hợp pháp anh Trần Minh Đ - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Trường Mầm non xã T, huyện T, tỉnh Kon Tum; đại diện hợp pháp chị Đinh Thị Phương Anh - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Trường mầm non xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum; đại diện hợp pháp chị Nguyễn Thị T - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Nguyễn Dương Q; địa chỉ: Trường tiểu học xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum - Có mặt.

- Chị Đào Thị Thanh T; địa chỉ: Trường tiểu học xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum - Có mặt.

- Trường tiểu học Bế Văn Đàn, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; đại diện hợp pháp chị Lê Thị Hồng P - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Trường mầm non xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; đại diện hợp pháp chị Nguyễn Thị Kim C - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Trường TH&THCS xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; đại diện hợp pháp anh Nguyễn Văn B - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Trường mầm non Vành Khuyên, xã T, huyệnĐ, tỉnh Kon Tum; đại diện hợp pháp chị Đặng Thị N - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Y T - Giáo viên trường mầm non xã V, huyện T, tỉnh Kon Tum - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Anh Lê Thanh T, thị trấn P huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Võ Trần Trung H và chị Trương Thị Ngọc H; địa chỉ: 21 Nguyễn Thiện Thuật, thành phố K, tỉnh Kon Tum - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Trần Văn T; địa chỉ: T, thị trấn P, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Phan Thái Hoàng M; địa chỉ: số 88, đường H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Hoàng Văn L; địa chỉ: Số 373 đường Trần Phú, thị trấn P, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Vũ Đình M; địa chỉ: Thôn 18, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn Xuân H, địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 đến tháng 7/2021 để có tiền chơi game Lý Văn N đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp máy tính, máy in, máy phô tô tại các khu nhà ở và các cơ sở trường học trên địa bàn các huyện Đ, Đ, T, tỉnh Kon Tum. Cụ thể như sau:

Ngày 17/7/2021 tại trường PTDT bán trú tiểu học xã Đ, huyện T bị cáo đã trộm cắp của anh Cao Xuân T 01 đầu CPU máy tính hiệu FPT và 01 máy in Canon LBP 3300. Tài sản trộm cắp theo kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐ ngày 26/7/2021 có tổng giá trị là 4.253.334đ.

Sau khi bị bắt giữ bị cáo tự nguyện khai nhận trước đó đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản ở nhiều địa phương khác. Cụ thể:

Ngày 22/11/2020 tại Trưởng tiểu học xã Đ, huyện T bị cáo đã trộm cắp 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP của chị Nguyễn Dương Q và 01 máy tính xách tay hiệu HP của chị Đào Thị Thanh T. Kết quả định giá xác định hai máy tính xách tay trên có tổng giá trị 15.700.000đ.

Ngày 18/4/2021 tại Trường mầm non xã Đ, huyện T, bị cáo trộm cắp 02 máy in Canon LBP 2900 của nhà trường. Kết quả định giá xác định hai máy in trên có tổng giá trị 4.255.000đ.

Ngày 06/6/2021 tại Trường mầm non xã T, huyện T bị cáo đã trộm cắp 01 máy in Canon LBP 2900, 01 máy photocopy nhãn hiệu Tosiba và 01 CPU máy tính để bàn. Tổng giá trị 31.042.954đ.

Ngày 30/6/2021 tại Trường PTDTBT tiểu học - THCS xã V, huyện T, bị cáo trộm cắp 01 máy in canon LBP 2900; 01 bộ máy tính để bàn nhãn hiệu ROBO; 01 máy in canon LBP 2900. Kết quả định giá xác định hai máy in canon LBP và 01 bộ máy tính để bàn nhãn hiệu ROBO có tổng giá trị 12.502.373đ.

Ngày 10/7/2021 tại trường mầm non xã V, huyện T, bị cáo đã trộm cắp 02 máy in canon LBP 2900 và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL. Kết quả định giá xác định tổng giá trị 4.170.000đ.

Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐ ngày 21/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản xác định tổng trị giá tài sản bị cáo trộm cắp trên địa bàn huyện T, tỉnh Kon Tum là 67.670.327đ (Sáu mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng).

Trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Kon Tum bị cáo thực hiện tổng cộng 04 vụ trộm cắp. Cụ thể như sau:

Ngày 06/2/2021 tại trường tiểu học Bế Văn Đàn, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum bị cáo đã trộm cắp 01 màn hình máy vi tính hiệu SamSung; 01 màn hình máy vi tính nhãn hiệu DELL. Kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐ ĐGTS ngày 17/8/2021 xác định tổng giá trị của 02 màn hình máy tính nêu trên là 2.162.000đ (Hai triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Ngày 16/3/2021 tại Trường mầm xã Đăk La, huyện Đ bị cáo đã trộm cắp 02 máy in nhãn hiệu canon LBP. Kết luận định giá tài sản số: 19/KL - HĐ ĐGTS ngày 10/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị hai máy in canon LBP là 6.560.000đ (Sáu triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngày 22/4/2021 tại Trường tiểu học Bế Văn Đàn, xã Đ, huyện Đ bị cáo tiếp tục trộm cắp 01 máy in canonLBP 2900. Kết luận định giá tài sản số: 40/KL - HĐ ĐGTS ngày 17/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị 01 máy in canon LBP là 2.010.000đ (Hai triệu không trăm mười nghìn đồng).

Ngày 6/7/2021 tại Trường TH và THCS xã Đ, huyện Đ bị cáo đã trộm cắp 01 ti vi màn hình phẳng hiệu LG. Kết luận định giá tài sản số: 44/KL - HĐ ĐGTS của Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị ti vi màn hình phẳng là 2.453.000đ (Hai triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản của 04 vụ trộm cắp bị cáo thực hiện tại huyện Đ là: 13.185.000đ (Mười ba triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Không dừng lại tại đó, ngày 21/7/2021 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp 01 máy in nhãn hiệu canon LBP 2900; 01 bộ máy vi tính gồm 01 CPU và màn hình nhãn hiệu FPT; 01 bộ đầu thu Wifi hiệu Tenda của Trường Mầm non Vành

Khuyên, thuộc thôn 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Kết luận định giá tài sản số: 16/KL - HĐ ĐGTS ngày 06/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản xác định tổng giá trị tài sản máy in canon; 01 bộ máy vi tính để bàn nhãn hiệu FPT; 01 bộ đầu thu wifi có tổng giá trị là 3.100.000đ (Ba triệu một trăm nghìn đồng).

Cáo trạng số 06/CT - VKS ngày 22/11/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Lý Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa đại diện VKS vẫn giữ N quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c khoản 2 điều 173; điểm r, s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù. Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho những người bị hại có yêu cầu và sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô là tài sản của bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội.

Người bào chữa cho bị cáo đồng ý với toàn bộ nội dung cáo trạng và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, người bào chữa cho bị cáo cũng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 điều 51 " Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án" và đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng "Phạm tội 2 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Xử phạt bị cáo mức án 24 tháng tù.

Lời nói sau cùng: Bị cáo biết việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì và cũng không khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo thể hiện: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 đến tháng 7/2021 bị cáo Lý Văn N lợi dụng sự chủ quan, sơ hở trong việc trông coi quản lý tài sản là máy tính, máy in, máy photocopy tại các trường học và cá nhân trên địa bàn các huyện T, Đ, Đđã dùng xe mô tô BKS 81B2 – 778.47 và chuẩn bị công cụ, phương tiện gồm tua vít, cờ lê để lén lút thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản tại

huyện T; 04 vụ trộm cắp tài sản tại huyện Đ và 01 vụ trộm cắp tài sản tại huyệnĐ. Tài sản trộm cắp hầu hết là máy tính, máy in, máy photocopy của giáo viên và các nhà trường. Tổng giá trị tài sản trong 11 vụ trộm cắp mà bị cáo đã thực hiện là: 88.208.661đ (Tám mươi tám triệu hai trăm linh tám nghìn sáu trăm sáu mốt đồng). Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với nội dung vụ án mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố.

[3] Bị cáo lợi dụng sự chủ quan, sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của bị hại để lén lút chiếm đoạt tài sản của các cá nhân, cơ quan tổng trị giá 88.208.661đ (Tám mươi tám triệu hai trăm linh tám nghìn sáu trăm sáu mốt đồng) . Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, của các cơ quan trường học; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại nhiều địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án khi đang độ tuổi vị thành niên. Sau khi ra tù vẫn không có ý thức tu dưỡng, hòa nhập cộng đồng mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần ở nhiều địa phương khác nhau. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đảm bảo răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo 11 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản máy tính, máy in, máy photocopy tại nhiều trường học trên địa bàn các huyện T, Đ, Đ, mỗi lần trộm cắp trị giá tài sản đều trên 2.000.000đ là thuộc trường hợp "Phạm tội hai lần trở lên". Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 bộ luật hình sự "Phạm tội hai lần trở lên". Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận tội; Sau khi hành vi phạm tội tại Trường PTDT bán trú tiểu học xã Đ, huyện T bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện khai ra các lần phạm tội trước đó tại huyện Đ; Đ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 điều 51 " Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án" và đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng "Phạm tội 2 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Xử phạt bị cáo mức án 24 tháng tù.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bị cáo thành khẩn khai báo, hợp tác tốt với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án và sau khi hành vi trộm cắp

tại Trường tiểu học xã Đ, huyện T bị phát hiện bị cáo đã tự nguyện khai ra những lần phạm tội trước đó là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đã được áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Mặt khác, việc bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án không được cơ quan có thẩm quyền nào xác nhận. Vì vậy, không có cơ sở để áp dụng tình tiết giảm nhẹ này đối với bị cáo.

Việc áp dụng khung hình phạt theo điểm c khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lý Văn N trong vụ án này là căn cứ vào tổng trị giá tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt, còn việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" là căn cứ vào nhân thân và thái độ chấp hành pháp luật của bị cáo, nên không trái với quy định tại khoản 2 điều 52 Bộ luật hình sự: "Các tình tiết đã được Bộ luật hình sự quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng". Vì vậy, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 "phạm tội 02 lần trở lên" đối với bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận.

Ngoài ra, theo lời khai của bị cáo trong lần trộm cắp tài sản của anh Cao Xuân T tại Trường PTDT bán trú tiểu học xã Đ, huyện T còn có người tên Hải và Thuần đã cùng bị cáo tham gia trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, bị cáo không biết rõ họ tên, địa chỉ của Hải và Thuần, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của hai người này nên không có cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự trong vụ án.

Anh Lê Thanh T, anh Võ Trần Trung H, chị Trương Thị Ngọc H, anh Phan Thái Hoàng M, anh Lê Hữu Hải, Anh Hoàng Văn L, anh Trần Văn T là những người đã mua máy tính, máy in, máy photocoppy mà bị cáo đã trộm cắp của những người bị hại đem bán. Tuy nhiên, những người này hoàn toàn không biết tài sản đã mua là tài sản do trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự đối với những người trên.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Những người bị hại: Anh Cao Xuân T, Bà Nguyễn Thị T - Đại diện hợp pháp của Trường mầm non xã Đ, huyện T; Bà Đinh Thị Phương Anh - Đại diện hợp pháp của Trường mầm non xã T, huyện T; Bà Trần Thị Hồng Thắm - Đại diện hợp pháp Trường mầm non xã V, huyện T; Chị Y N; ông Nguyễn Văn B - Đại diện hợp pháp Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Đ, huyện Đ, bà Đặng Thị N - Đại diện hợp pháp Trường mầm non Vành Khuyên, xã T, huyệnĐ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Thanh T; anh Võ Trần Trung H và chị Trương Thị Ngọc H, anh Trần Văn T không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Những bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Dương Q; chị Đào Thị Thanh T; Ông Trần Minh Đ - đại diện hợp pháp Trường PTDTBT tiểu học - THCS xã V, huyện T; chị Y T; Anh Trần Văn T; Anh Phan Thái Hoàng M; anh Hoàng Văn L; Bà Lê Thị Hồng P - Đại diện hợp pháp Trường tiểu học Bế Văn Đàn; Bà Nguyễn Thị Kim C - Đại diện hợp pháp Trường mầm non xã Đăk La,

huyện Đ; anh Trần Văn T yêu cầu bị cáo Lý Văn N bồi thường tài sản đã bị trộm cắp, trả lại số tiền đã mua tài sản bị trộm cắp. Đây là yêu cầu hợp pháp, có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Những vật chứng là máy tính, máy in, máy photocopy đã được cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 biển số xe số: 81B2 - 778.47 cơ quan điều tra xác định là biển số xe mô tô của anh Vũ Đình M, sau khi mất biển số xe anh Mừng đã được Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Gia Lai cấp lại. Vì vậy Cơ quan điều tra đã tiến hành tiêu hủy. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Jupiter BKS: 81B2 - 778.47 được xác định là tài sản của bị cáo đã dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án và phải bồi thường về dân sự nên phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự, hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ điểm c khoản 2 điều 173; Điểm r, s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo Lý Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Lý Văn N 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 23/7/2021.

**** Về trách nhiệm dân sự:*** Áp dụng Điều 569 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho những bị hại, cụ thể:

- Bồi thường cho chị Nguyễn Dương Q 6.600.000đ (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho chị Đào Thị Thanh T 9.100.000đ (Chín triệu một trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho Trường PTDTBT tiểu học - THCS xã V, huyện T, tỉnh Kon Tum số tiền 2.954.000đ (Hai triệu chín trăm năm mươi tư nghìn đồng).

- Bồi thường cho chị Y T - Giáo viên Trường Mầm non xã V huyện T, tỉnh Kon Tum số tiền: 1.755.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho Trường tiểu học Bế Văn Đàn, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum

số tiền 4.172.000đ (Bốn triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

- Bồi thường cho Trường Mầm non xã Đăk La, huyện Đ, tỉnh Kon Tum số tiền: 6.560.000đ (Sáu triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bồi thường cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm:

- Bồi thường cho anh Trần Văn T - Chủ tiệm máy văn phòng Hòa Phát, thị trấn P, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum số tiền: 2.950.000đ (Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bồi thường cho anh Phan Thái Hoàng M, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum số tiền : 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho anh Hoàng Văn L, địa chỉ: Số 373 đường Trần Phú, thị trấn P, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum số tiền: 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng).

- Áp dụng điều 357, điều 468 Bộ luật dân sự, khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bị cáo không trả đủ số tiền nêu trên, những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

**** Về xử lý vật chứng của vụ án:***

- Tịch thu xung quỹ nhà nước: 01 xe mô tô BKS: 81B2 - 778.47 có đặc điểm đúng như biên bản giao nhận vật chứng của cơ quan điều tra Công an huyện T và Chi cục Thi hành án huyện T lập ngày 24/11/2021.

**** Về án phí:*** Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1, khoản 3 điều 21; điểm a, c khoản 1 điều 23; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự, hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (27/12/2021). Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo,
- Bị hại,
- Người có QLNV liên quan,
- VKSND huyện T,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKS ND tỉnh Kon Tum,
- TAND tỉnh Kon Tum,
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng,
- Sơ tư pháp tỉnh Kon Tum,
- CA huyện T,

Chu Thị Châu